

TÁC ĐỘNG CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG Ở VIỆT NAM

● NGUYỄN THỊ PHI YẾN

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Email: yenntp@hul.edu.vn

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích tác động của các quy định về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp năm 2013 đối với quá trình hoàn thiện và phát triển của pháp luật hợp đồng ở Việt Nam. Trên cơ sở làm rõ mối quan hệ giữa các nguyên tắc hiến định và pháp luật hợp đồng, bài viết tập trung phân tích sự ảnh hưởng của nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 về việc hạn chế quyền con người, quyền công dân chỉ được thực hiện theo quy định của luật trong những trường hợp cần thiết. Qua đó, bài viết chỉ ra các nguyên tắc hiến định đã góp phần định hướng việc xây dựng, sửa đổi và áp dụng pháp luật hợp đồng theo hướng bảo đảm tốt hơn quyền tự do hợp đồng, quyền tự do kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ hợp đồng, đồng thời đề xuất một số định hướng tiếp tục hoàn thiện pháp luật hợp đồng phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

Từ khóa: Hiến pháp, pháp luật hợp đồng, quyền con người, quyền công dân.

1. Đặt vấn đề

Quyền con người, quyền công dân là một trong những nội dung quan trọng của Hiến pháp. Trong lịch sử lập hiến Việt Nam, các quy định về quyền con người, quyền công dân luôn được Nhà nước quan tâm và từng bước được kế thừa, phát triển qua các bản Hiến pháp. Trên cơ sở đó, Hiến pháp năm 2013 đã có nhiều đổi mới quan trọng về quyền con người, quyền công dân cả về bố cục và nội dung. Một trong những điểm mới nổi bật là việc ghi nhận nguyên tắc hạn chế quyền con người, quyền công dân tại khoản 2 Điều 14. Nguyên tắc này không chỉ góp phần bảo đảm tốt hơn quyền

con người, quyền công dân mà còn có tác động tích cực đến pháp luật hợp đồng.

2. Từ nội dung, tư tưởng của Hiến pháp năm 2013 làm tiền đề cho sự hoàn thiện pháp luật về hợp đồng

2.1. Thủ tục hạn chế quyền con người, quyền công dân

Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 Hiến định nguyên tắc “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia,

trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”¹. Quy định này hoàn toàn phù hợp với các văn bản quốc tế về quyền con người, trong đó có Tuyên ngôn nhân quyền 1948. Việc quy định nguyên tắc hạn chế quyền con người, quyền công dân là cần thiết, việc hạn chế quyền con người, quyền công dân trong quy định tại Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 thực chất là bảo vệ quyền con người, quyền công dân, tránh sự tùy tiện trong việc hạn chế quyền con người, quyền công dân “*việc giới hạn và hạn chế quyền là những yêu cầu xuất phát từ thực tế cuộc sống mà đã được luật nhân quyền quốc tế ghi nhận, với mục đích chính là để ngăn ngừa sự tùy tiện của các nhà nước trong việc thực thi quyền con người, chứ không phải là để cung cấp công cụ cho các nhà nước vi phạm các quyền đó*”². Quyền con người, quyền con dân chỉ có thể bị hạn chế bởi Luật - văn bản do Quốc hội ban hành, điều đó có nghĩa, chỉ có Quốc hội mới có quyền ban hành văn bản hạn chế quyền con người, quyền công dân.

2.2. Lý do hạn chế quyền con người, quyền công dân

Quyền con người, quyền công dân là vấn đề hết sức quan trọng, chính vì thế việc hạn chế quyền con người, quyền công dân cần được xem xét một cách kỹ lưỡng. Việc hạn chế quyền con người, quyền công dân cần đặt trong mối quan hệ cân bằng về lợi ích, và chỉ được phép hạn chế quyền con người, quyền công dân trong những trường hợp hết sức cần thiết và phải bảo đảm việc hạn chế quyền con người, quyền công dân trong những trường hợp đó vì hướng đến những mục đích lớn hơn, ý nghĩa hơn. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 thì quyền con người, quyền công dân có thể bị hạn chế trong những trường hợp cần thiết vì những lý do sau đây: (1) Quốc phòng; (2) An ninh quốc gia; (3) Trật tự; (4) An toàn xã hội; (5) Đạo đức xã hội; (6) Sức khỏe của cộng đồng. “*Việc giải thích các lý do này vô cùng quan trọng bởi nó là cơ sở cho các luật chuyên ngành quy định cụ thể trong từng lĩnh vực, hạn chế tình trạng vì “lúng túng” nên dẫn đến việc chỉ lập lại quy định của hiến pháp đã nêu ở phần trên*”³.

Theo các nguyên tắc Siracusa về các quy định

giới hạn và đình chỉ trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1985 thì các lý do trên được hiểu như sau: An ninh quốc gia nhằm bảo vệ sự tồn tại, toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của quốc gia; trật tự công cộng là tổng thể các nguyên tắc bảo đảm hoạt động ổn định của xã hội; an toàn công cộng là sự bảo vệ con người, tính mạng, sức khỏe và tài sản trước các nguy cơ; đạo đức cộng đồng là những giá trị cơ bản được xã hội thừa nhận trong từng giai đoạn; và sức khỏe cộng đồng là căn cứ để Nhà nước áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa, kiểm soát nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của cộng đồng. Việc áp dụng các căn cứ này phải bảo đảm tính cần thiết, hợp lý và không được tùy tiện hoặc lạm dụng.

Các nguyên tắc Siracusa có giá trị làm rõ các lý do hạn chế về quyền con người, quyền công dân. Tuy nhiên, vấn đề hạn chế quyền con người, quyền công dân vì lý do quốc phòng chưa được nhắc đến trong văn bản này.

3. Sự tác động của Hiến pháp năm 2013 đến sự hoàn thiện của pháp luật về hợp đồng

Thế chế hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, Bộ Luật Dân sự (BLDS) năm 2015 xác lập nguyên tắc “*Công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự: Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền dân sự chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”⁴. Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp trong pháp luật về hợp đồng, BLDS năm 2015 đã có những quy định đổi mới về chủ thể, nội dung, mục đích, hình thức hợp đồng, quyền lựa chọn hình thức hợp đồng, công nhận hiệu lực khi hợp đồng khiếm khuyết hình thức,...

3.1. Chủ thể hợp đồng

Theo quy định của BLDS năm 2005 người chưa đủ 6 tuổi không có năng lực hành vi dân sự (NLHVDS) và các giao dịch dân sự của người chưa đủ 6 tuổi phải do người đại diện theo pháp luật xác lập, thực hiện. Cũng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 122 BLDS năm 2005 xác

định điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự là “*Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự*”. Do đó, người dưới 6 tuổi không đủ điều kiện để tự mình xác lập các giao dịch dân sự. Giao dịch dân sự do người chưa đủ 6 tuổi thực hiện thì bị tuyên vô hiệu theo yêu cầu của người đại diện của người đó.

BLDS năm 2015 khi quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự đã có sự thay đổi trong cách quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 117 “*Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập*”. BLDS năm 2015 đã thay từ “*người tham gia giao dịch*” bằng “*chủ thể*”, bổ sung năng lực pháp luật dân sự và chỉ rõ năng lực pháp luật dân sự và NLHVDS phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập. BLDS năm 2015 không còn quy định người chưa đủ 6 tuổi là người không có NLHVDS như BLDS năm 2005. Các giao dịch dân sự của người chưa đủ 6 tuổi theo quy định của BLDS năm 2015 vẫn do người đại diện theo pháp luật của người đó xác lập, thực hiện. Tuy nhiên, trong quy định tại Khoản 1 Điều 125 BLDS 2015 “*Khi giao dịch dân sự do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện thì theo yêu cầu của người đại diện của người đó, Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu nếu theo quy định của pháp luật giao dịch này phải do người đại diện của họ xác lập, thực hiện hoặc đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này*”. Điều này có nghĩa là nếu rơi vào các trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều 125 BLDS năm 2015 thì các giao dịch dân sự do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế NLHVDS không bị vô hiệu.

Theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 125 BLDS năm 2015 “*Giao dịch dân sự của người quy định tại khoản 1 Điều này không bị vô hiệu trong trường hợp sau đây: Giao dịch dân sự của người chưa đủ 6 tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người đó*”. BLDS năm 2015 không trực tiếp khẳng định NLHV của người dưới 6 tuổi. Nhưng bằng chính các quy định trên đã thừa nhận năng

lực tham gia vào các giao dịch dân sự của người dưới 6 tuổi nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày. Người dưới 6 tuổi họ cũng có những nhu cầu thiết yếu, đáp ứng độ tuổi, năng lực của họ. Họ cũng là con người và cần những quyền cơ bản nhất, quy định này của BLDS 2015 là hoàn toàn phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

Ngoài ra, BLDS năm 2015 khi quy định về người thành niên “*Người thành niên là người từ đủ mười tám tuổi trở lên. Người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp quy định tại các điều 22, 23 và 24 của Bộ luật này*”. BLDS năm 2015 tiếp tục quy định về các mức NLHVDS của người thành niên, trong đó quy định về 3 trường hợp người thành niên không có NLHVDS đầy đủ (1) mất NLHVDS (Điều 22), người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi (Điều 23), hạn chế NLHVDS (Điều 24). BLDS năm 2015 lần đầu tiên quy định về người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, phân biệt với mất NLHVDS và hạn chế NLHVDS.

3.2. *Chỉ luật được phép can thiệp vào nội dung và mục đích hợp đồng*

Theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 122 BLDS năm 2005 “*Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội*”. Với quy định trên mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của “*pháp luật*”, mà nội hàm của khái niệm pháp luật rất rộng. Trong thực tế đã có trường hợp Tòa án nhân dân tối cao xác định điều cấm dẫn tới giao dịch vô hiệu nằm trong chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh⁶. Việc BLDS năm 2005 sử dụng cụm từ “*pháp luật*” trong quy định trên là chưa phù hợp, làm giới hạn quyền tự do hợp đồng của các chủ thể. BLDS năm 2015 tại điểm c Khoản 1 Điều 117 quy định “*Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội*”. Và cũng tại Điều 123 BLDS năm 2015 đã quy định theo hướng “*Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định*”. Quy định này của BLDS năm 2015 là sự cụ thể hóa Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo

quy định của luật - văn bản do Quốc hội ban hành.

3.3. Chỉ luật được phép can thiệp vào hình thức hợp đồng và quyền lựa chọn hình thức hợp đồng

Theo BLDS năm 2005 “*Hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch trong trường hợp pháp luật có quy định*”. BLDS năm 2015 có sự thay đổi trong cách quy định “*Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định*”⁷. BLDS năm 2015 thay cụm từ “pháp luật” bằng cụm từ “luật”, bằng cách quy định này BLDS năm 2015 đã thu hẹp phạm vi yêu cầu về hình thức của giao dịch dân sự. Nếu sử dụng cụm từ “pháp luật” như BLDS năm 2005 thì các VBQPPL do bất cứ chủ thể nào có thẩm quyền ban hành đều có thể áp đặt hình thức của giao dịch dân sự. Việc thu hẹp phạm vi của BLDS năm 2015 bảo đảm quyền tự do của các chủ thể khi thực hiện giao dịch dân sự, phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013 “hạn chế quyền phải bằng luật”.

3.4. Công nhận hiệu lực khi hợp đồng vi phạm hình thức

Tại Điều 134 BLDS năm 2005, trong trường hợp pháp luật quy định hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch mà các bên không tuân theo thì theo yêu cầu của một hoặc các bên, Toà án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác quyết định buộc các bên thực hiện quy định về hình thức của giao dịch trong một thời hạn; quá thời hạn đó mà không thực hiện thì giao dịch vô hiệu. Theo quy định trên, giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức trong trường hợp pháp luật quy định hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, thì giao dịch dân sự đó không bị vô hiệu ngay mà theo yêu cầu của một hoặc các bên, Toà án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác quyết định buộc các bên thực hiện quy định về hình thức của giao dịch trong một thời hạn; quá thời hạn đó mà không thực hiện thì giao dịch mới bị vô hiệu. BLDS năm 2005 sử dụng cụm từ “pháp luật” để tiếp nối quy định tại Khoản 2 Điều 122 BLDS năm 2005⁸.

BLDS năm 2015 tại Khoản 1 Điều Điều 129 “*Giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng*

quy định của luật...”, BLDS năm 2015 sử dụng từ “luật” thay cho từ “pháp luật” để tiếp nối quy định tại Khoản 2 Điều 117 BLDS năm 2015⁹. Với cách quy định này BLDS 2015 đã loại trừ 2 trường hợp ngoại lệ, mặc dù vi phạm quy định điều kiện có hiệu lực về hình thức. Với cách thức quy định trên cho thấy, BLDS năm 2015 đã thể chế hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 trong việc bảo vệ quyền tự do ý chí của các chủ thể, và chỉ có luật mới là văn bản quy định điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự về mặt hình thức. Việc các chủ thể đã thực hiện “*ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch*” đã thể hiện ý chí của các chủ thể, đáp ứng được mục đích của giao dịch mà các chủ thể hướng đến. Quy định này một lần nữa đang bảo vệ quyền tự do hợp đồng của các chủ thể. Do đó, khi hợp đồng vi phạm về hình thức bắt buộc nhưng các bên đã thực hiện “*ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch*” thì pháp luật không can thiệp thông qua chế tài vô hiệu hợp đồng nữa. Bởi vì, vi phạm hình thức nhưng đã thực hiện một phần nghĩa vụ và nội dung của hợp đồng, hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội thì không thuộc trường hợp hạn chế quyền mà Hiến pháp đã quy định. Thực chất, vô hiệu hợp đồng là chế tài từ phía pháp luật để các bên hợp đồng không xâm hại trật tự công và đạo đức, do đó, không thể vô hiệu chỉ vì lý do vi phạm hình thức trong khi các bên đã thực hiện nghĩa vụ và tiếp nhận nghĩa vụ trên thực tế.

3.5. Quyền tư pháp thay thế thủ tục công chứng, chứng thực

Như đã đề cập trong mục 3.4 theo quy định của BLDS năm 2005, trong trường hợp pháp luật quy định hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch mà các bên không tuân theo thì theo yêu cầu của một hoặc các bên, Toà án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác quyết định buộc các bên thực hiện quy định về hình thức của giao dịch trong một thời hạn; quá thời hạn đó mà không thực hiện thì giao dịch vô hiệu. Cũng theo quy định tại Khoản 2 Điều 124 BLDS năm 2005 “*Trong trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản, phải có công chứng hoặc chứng thực, phải đăng ký hoặc xin phép thì phải tuân theo các quy định đó*”. Vậy

có nghĩa, trong trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự phải có công chứng hoặc chứng thực mà các bên không tuân thủ thì theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác quyết định buộc các bên phải thực hiện công chứng hoặc chứng thực trong một thời hạn nhất định. Nếu các bên không thực hiện thì giao dịch đó vô hiệu. Khác với quy định của BLDS năm 2005, BLDS năm 2015 quy định giao dịch dân sự vi phạm quy định điều kiện có hiệu lực về hình thức thì vô hiệu, trừ trường hợp sau đây: Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực. Điều này có nghĩa là, mặc dù giao dịch dân sự có yêu

cầu công chứng hoặc chứng thực, nhưng các bên không thực hiện công chứng hoặc chứng thực và đã thực hiện “ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch” thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án công nhận hiệu lực của giao dịch đó mà các bên không cần thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực.

4. Kết luận

Với tư cách là đạo luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc thể chế hóa những quy định của Hiến pháp năm 2013, thể hiện đúng tinh thần của Hiến pháp là yêu cầu rất quan trọng, tất yếu trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Sự tác động của Hiến pháp năm 2013 đến pháp luật nói chung và pháp luật về hợp đồng nói riêng cho thấy những đổi mới trong tư duy, nhận thức. Đặc biệt là sự cụ thể hóa trong những quy định về quyền con người, quyền công dân phù hợp với pháp luật quốc tế và quốc gia■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013

²Vũ Công Giao (2013). Những tiến bộ và hạn chế trong chế định quyền con người, quyền công dân của Dự thảo 3 Hiến pháp năm 1992 sửa đổi năm 2013. Tạp chí Khoa học, Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 3 năm 2013

³Trương Hồng Quang (2018). Nhu cầu giải thích quy định về hạn chế quyền con người, quyền công dân của Hiến pháp năm 2013. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 03/2018, tr. 03-13.

⁴Điều 2 Bộ Luật Dân sự 2015

⁵Điều 20 Bộ Luật Dân sự năm 2015

⁶Đỗ Văn Đại (2013). Luật Hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án, tập 1. Nxb. Chính trị Quốc gia (tái bản lần thứ tư), Bản án số 42-44.

⁷Khoản 2 Điều 117 Bộ Luật Dân sự năm 2015

⁸Khoản 2 Điều 122 Bộ Luật Dân sự năm 2005 “Hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch trong trường hợp pháp luật có quy định”.

⁹Khoản 2 Điều 117 Bộ Luật Dân sự năm 2015 “Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Đỗ Văn Đại (2013). Luật Hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án, tập 1. Nxb. Chính trị Quốc gia (tái bản lần thứ tư), Bản án số 42-44.

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005). Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Hiến pháp năm 2013.

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015.

Trương Hồng Quang (2018). Nhu cầu giải thích quy định về hạn chế quyền con người, quyền công dân của Hiến pháp năm 2013. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 03/2018, tr. 03-13.

Vũ Công Giao (2013). Những tiến bộ và hạn chế trong chế định quyền con người, quyền công dân của Dự thảo 3 Hiến pháp năm 1992 sửa đổi năm 2013. Tạp chí Khoa học, Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 3 năm 2013.

Ngày nhận bài: 05/5/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/5/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 05/6/2026

IMPACT OF THE 2013 CONSTITUTION ON THE DEVELOPMENT OF CONTRACT LAW IN VIETNAM

● **NGUYEN THI PHI YEN**

University of Law, Hue University

Email: yenntp@hul.edu.vn

ABSTRACT:

This study examines the impact of provisions on human rights and citizens' rights in the 2013 Constitution on the development of contract law in Vietnam, particularly emphasizing the principle stated in Clause 2, Article 14. The study analyzes how constitutional principles influence the improvement and development of contract law, highlighting the rule that limitations on human rights and citizens' rights must be prescribed by law and applied only in necessary cases. These principles contribute to shaping contract law toward better protection of contractual freedom, business freedom, and the legitimate rights and interests of parties. The study also proposes orientations for further improving contract law in line with the spirit of the 2013 Constitution.

Keywords: Constitution, contract law, human rights, citizens' rights.